TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỎ CÀY BẮC** TỈNH BẾN TRE	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2018/HN- ST
Ngày 18/4/2018
V/v: "Xin ly hôn "

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY BẮC, TỈNH BẾN TRE

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Trần Thanh Phong

- *Các Hội thẩm nhân dân*: Ông Vi Quốc Thanh

Ông Dương ánh Minh

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Ngô Thị Thu Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc tham gia phiên tòa*: Ông Cao Hoàng Tính – Kiểm sát viên.

Ngày **18** tháng **4** năm **2018** tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 363/2017/TLST-HN ngày 14 tháng 12 năm 2017 về việc "*xin ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 45/2018/QĐST-HN ngày 21 tháng 3 năm 2018 và quyết định hoãn phiên tòa số 67/2018/QĐST-HN ngày 05/4/2018 giữa:

**** Nguyên đơn:*** Bùi Thị Hoài L, sinh 1995 (có mặt)

Trú tại: Ấp T, xã B, huyện Tr, tỉnh Bến Tre.

**** Bị đơn*:**

Nguyễn Hữu N, sinh 1993 (vắng mặt không có lý do)

Trú tại: Ấp Th, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Bùi Thị Hoài L trình bày:

Vào năm 2015 do quen biết, nên tôi và anh N đã tiến tới hôn nhân, chúng tôi có đăng ký kết hôn tại UBND xã Bảo Thuận, huyện Ba Tri. Sau khi cưới nhau chúng tôi sống chung bên gia đình chồng hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, anh N không chí thú làm ăn, chỉ lo ăn chơi, cờ bạc, từ đó chúng tôi đã sống ly thân cách nay khoảng 10 tháng. Nay tôi xin ly hôn với N.

Quá trình sống chung chúng tôi có 01 con chung tên Nguyễn Hoài Đ, sinh 22/4/2017, con hiện đang sống với tôi, nay tôi xin nuôi con không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung, nợ chung: không có.

Bị đơn Nguyễn Hữu N vắng mặt trong các giai đoạn tố tụng của Tòa án và cũng không có bất cứ lời trình bày nào đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm cho rằng các giai đoạn tố tụng của Tòa án từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký Tòa án thực hiện nhiệm vụ tuân thủ đúng các quy định pháp luật, người tham gia tố tụng nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật, bị đơn không chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa án mặt dù đã được tống đạt hợp lệ đầy đủ, nên đề nghị tiếp tục xét xử vụ án. Về nội dung vụ án đề nghị Áp dụng điều 56, 58 luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị L.

Về con chung: Đề nghị giao cháu Đ cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, ghi nhận chị L không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung nợ chung: Không có, nên không đề cập.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của các đương sự, căn cứ vào kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận thấy:

**** Về áp dụng pháp luật tố tụng:***

[1] Về quyền khởi kiện: Chị L cho rằng quá trình sống chung giữa vợ chồng không còn hạnh phúc nên muốn ly hôn, do đó chị khởi kiện. Căn cứ điều 51 luật hôn nhân và gia đình; khoản 2 điều 68, điều 186 Bộ luật Tố tụng dân sự thì chị L có quyền khởi kiện.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Đối với yêu cầu của chị L là tranh chấp về việc ly hôn. Căn cứ khoản 1 điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự thì loại việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án và nơi cư trú của bị đơn thuộc xã T, huyện M. Căn cứ điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc thụ lý giải quyết là phù hợp pháp luật.

[3] Bị đơn Nguyễn Hữu N đã được Tòa án triệu tập xét xử hai lần hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

**** Về nội dung giải quyết vụ án:***

[1] Chị Bùi Thị Hoài L, anh Nguyễn Hữu N kết hôn trên cơ sở tự tìm hiểu quen biết và tự nguyện tiến đến hôn nhân, anh, chị có đăng ký kết hôn tại UBND cấp

có thẩm quyền, do đó hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp, nên được pháp luật công nhận và bảo vệ. Sau khi kết hôn anh, chị sống có hạnh phúc trong thời gian dài có con chung lẽ ra anh, chị phải biết gìn giữ, nhưng từ những mâu thuẫn trong đời sống thường ngày mà anh, chị không tìm cách để khắc phục, từ đó vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng và anh, chị đã quyết định sống ly thân bỏ mặt cho nhau. Tại tòa chị L vẫn giữ nguyên quan điểm ly hôn, còn anh N quá trình thụ lý giải quyết, Tòa án đã triệu tập anh rất nhiều lần để Tòa án tiến hành tổ chức hòa giải tạo điều kiện cho vợ chồng đoàn tụ, nhưng anh N vẫn vắng mặt không có lý do và anh cũng không có bất cứ văn bản nào gửi Tòa án thể hiện ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn. Điều đó cho thấy anh N không có thiện chí muốn trở về chung sống với chị L. Do đó yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị L là có căn cứ, nên được chấp nhận.

[2] Về con chung: Cháu Nguyễn Hoài Đ, sinh 22/4/2017, con hiện đang sống với chị L. Tại phiên tòa nguyện vọng của chị L muốn được nuôi con, do từ lúc vợ chồng anh chị sống ly thân đến nay cháu Đ vẫn sống chung với chị L, cháu đã thích nghi với việc chăm sóc, giáo dục của chị L, ngoài ra cháu Đ hiện tại chưa được 01 tuổi, còn trong độ tuổi phải bú sữa mẹ, nên giao cháu Đ cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Việc chị L không yêu cầu cấp dưỡng là tự nguyện, nên ghi nhận.

[3] Tài sản chung, nợ chung: Không có, nên không đề cập.

[4] Chị L phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng điều 51, 56, 58, 81,82, 83, 84 luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Áp dụng khoản 5 điều 26 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Bùi Thị Hoài L. Chị Bùi Thị Hoài L được ly hôn với anh Nguyễn Hữu N.

Về con chung: chị L trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Hoài Đ, sinh 22/4/2017, anh N không phải cáp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, cha mẹ đều có quyền và nghĩa vụ ngang nhau đối với con chung, người không trực tiếp nuôi con có quyền đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung, không ai được quyền ngăn cản.

Vì lợi ích của con chưa thành niên, khi có căn cứ một hoặc cả hai bên chị L, anh N được quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung, nợ chung: Không có, nên không đề cập.

Án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị L chịu 300.000 đồng nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng đã nộp theo biên lai thu số 0008965 ngày 04/12/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Bắc là đủ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi ành án dân sự năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2014.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngaỳ kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án.

1 ***Nơi nhận***:
- TAND Bến Tre (1b);
- VKSND huyện Mỏ Cày Bắc (2b);
- Chi cục THADS huyện Mỏ Cày Bắc(1b);
- UBND xã Bảo Thuận, Ba Tri (1b)
- Những người tham gia tố tụng (2b);
- Lưu HS, VP, THA (4b).

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Đã ký

Trần Thanh Phong